

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 55/2018/HSST
Ngày 31 tháng 10 năm 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN - TỈNH THANH HÓA
*Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Đăng Tuấn**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đỗ Thị Phương** - Giáo viên trường THPT Lê Lợi.
2. Ông **Bùi Thanh Bình** - Hưu trí

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Văn Hân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tham gia phiên tòa:

Bà: **Trần Thị Tĩnh** - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện thọ xuân; Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, thụ lý số: 55/2018/HSST ngày 11 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/QĐXXST-HS ngày 16/10/2018.

Đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Anh T** - Sinh năm 1968.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn 4 - xã Xuân Bái - huyện Thọ Xuân - tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10.

Con ông: Nguyễn Đình D (đã chết) và bà Cao Thị Nh (đã chết).

Gia đình có 08 anh em, bị cáo là con thứ 5. Vợ: Lê Thị H, có 02 con.

Tiền án, Tiền sự: không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/4/2018 đến ngày 02/5/2018 được thay thế bằng biện cầm đi khỏi nơi cư trú.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn D** - Sinh năm 1985.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn Quyết Thắng 2 - xã Xuân Bái - huyện Thọ Xuân - tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông: Nguyễn Văn D và bà: Đỗ Thị H.

Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 3. Vợ: Lê Thị Nh, có 01 con.

Tiền án: có 01 tiền án:

- Ngày 07/8/2014 D bị tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 23 tháng 10 ngày tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo bản án số: 197/2014/HSPT. Ngày 07/8/2016 được cấp giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2018 đến nay.

3. Họ và tên: Nguyễn Văn Ph - Sinh năm 1992.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn Minh Thành 1 - xã Xuân Bái - huyện Thọ Xuân - tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12.

Con ông: Nguyễn Văn H và bà: Đào Thị B.

Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư. chưa có vợ, con.

Tiền án: có 01 tiền án:

- Ngày 22/10/2013 Ph bị tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 36 tháng tù về tội "Cướp tài sản" và tội "Cưỡng đoạt tài sản" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng, tính từ ngày tuyên án, theo bản án số: 28/2013/HSPT ngày 22/10/2013.

Tiền sự: không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2018 đến nay.

4. Họ và tên: Trịnh Việt A - Tên gọi khác: Ch - Sinh năm 1995.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn Minh Thành 1 - xã Xuân Bái - huyện Thọ Xuân - tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông: Trịnh Văn C và bà: Hoàng Thị Ng (đã chết).

Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con đầu. Vợ: My Thị S.

Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân: - Ngày 24/12/2014 Trịnh Việt A bị tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 08 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung 3.000.000 về tội "Đánh bạc", theo bản án số: 70/2014/HSPT ngày 24/12/2014. Ngày 19/9/2016 bị cáo đã chấp hành nộp xong tiền phạt và án phí.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Phạm Anh T2 - Sinh năm 1994.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn Quyết Thắng 2 - xã Xuân Bái - huyện Thọ Xuân - tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông: Phạm Văn Th và bà: Lê Thị H.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; vợ: Trịnh Thị Việt A.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Nguyễn Ngọc L - Sinh năm 1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn Minh Thành 1 - xã Xuân Bái - huyện Thọ Xuân - tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông: Nguyễn Văn Y và bà: Lê Thị H.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu. Vợ: Nguyễn Thị Thúy, có 02 con.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: Nguyễn Văn D - Sinh năm 1982.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn Quyết Thắng 2 - xã Xuân Bái - huyện Thọ Xuân - tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông: Nguyễn Văn D và bà: Đỗ Thị H.

Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con đầu. Vợ: Nguyễn Thị H, có 02 con.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/4/2018 đến ngày 02/5/2018 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: Nguyễn Đình T1, tên gọi khác: **T Ph**, Sinh năm 1993.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn Minh Thành 2 - xã Xuân Bái - huyện Thường Xuân - tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12.

Con ông: Nguyễn Đình B và bà: Đỗ Thị T.

Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2; chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, vắng mặt có lý do.

9. Họ và tên: Lê Trường G - Sinh năm 1991.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn Minh Thành 1 - xã Xuân Bái - huyện Thọ Xuân - tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông: Lê Trường Th và bà: Nguyễn Thị T.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 2. Vợ: Lê Minh Á, có 01 con.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

10. Họ và tên: Trịnh Văn Tr, tên gọi khác: C Sinh ngày 21 tháng 11 năm 2000.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn Quyết Thắng 2 - xã Xuân Bái - huyện Thọ Xuân - tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12.

Con ông: Trịnh Văn T và bà: Trần Thị Y.

Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 3, chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

11. Họ và tên: Nguyễn Tiến Th, tên gọi khác: **Th b** - Sinh ngày 08 tháng 10 năm 2000.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn 2 - xã Xuân Thắng - huyện Thọ Xuân - tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông: Nguyễn Xuân V (đã chết) và bà: Đỗ Thị Y.

Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2, chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Văn Tr: Ông Lê Khắc Hải - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt có lý do).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến Th: Ông Trịnh Đình Hợp - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Các bị cáo **Nguyễn Anh T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Văn D, Phạm Anh T1, Nguyễn Ngọc L, Lê Trường G, Nguyễn Đình T2, Trịnh Việt A, Trịnh Văn Tr và Nguyễn Tiến Th** bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 23/4/2018, sau khi ăn cơm xong tại quán cơm Hiệp Lanh, ở thôn 4, xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa thì Nguyễn Văn D, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Đình T2, Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1990, trú tại

thôn Minh Thành 2, xã Xuân Bái), Lưu Thanh T (sinh năm 1990, trú tại thôn Quyết Thắng 1, xã Xuân Bái) và Nguyễn Tiến Th cùng đến nhà Nguyễn Anh T, ở thôn 4, xã Xuân Bái chơi. Tại nhà T chỉ có mình T ở nhà, Tr, T2, D, L rủ nhau chơi đánh bài tiến lên miền Nam ăn tiền và ngồi xuống chiếu đã được chải sẵn ở phòng khách, lấy bộ bài tú lơ khơ có sẵn ở góc nhà để chơi. Lúc này Nguyễn Anh T chủ nhà đang ngồi ở bàn uống nước thấy vậy nhưng không nói gì. Những người còn lại thì đứng xem. Mỗi người chơi sử dụng 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) để chơi. Hình thức chơi là ai thắng thì ăn cả số tiền của những người chơi còn lại, nhì thua 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng), ba thua 40.000đ (Bốn mươi nghìn đồng), bét thua 60.000đ (Sáu mươi nghìn đồng). Bị cồng (lùng) thua 80.000đ, bị đút ba bích thua 120.000đ (Một trăm hai mươi nghìn đồng). Bị chặn hai (heo) đen thua 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng), bị chặn hai (heo) đỏ thua 40.000đ (Bốn mươi nghìn đồng). Sau đó, có Lê Trường G, Phạm Anh T2, Trịnh Văn Tr, Trịnh Việt A cũng đến nhà Nguyễn Anh T chơi.

Đến khoảng 13 giờ 30 phút, Nguyễn Anh T chủ nhà chuẩn bị chiếu, bộ bát đĩa lấy sẵn trong nhà ra và 04 quân vị cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long có hai mặt một mặt màu vàng và một mặt màu trắng (có sẵn từ trước trong nhà) mang ra gốc cây khế ở vườn sau nhà và nói với những người có mặt trong nhà: " Ai đánh xóc đĩa ăn tiền thì ra chơi". Ban đầu có những người chơi gồm: Nguyễn Anh T chủ nhà, Nguyễn Tiến Th, Lê Trường G, Phạm Anh T2, Nguyễn Đình T1, Trịnh Việt A và Trịnh Văn Tr. Các đối tượng thống nhất chơi xóc đĩa ăn tiền, dùng bộ bát đĩa và 04 quân xóc. Nếu xóc ra 1,3 con cùng màu là lẻ, có 2, 4 con cùng màu là chẵn. Người chơi đặt tiền vào các cửa chẵn, lẻ số tiền ít nhất là 50.000đ (*ăm mươi nghìn đồng*), không hạn chế số tiền tối đa. Người xóc cái cũng chơi, những người chơi tự cân bằng số tiền ở các cửa chẵn, lẻ, không có ai làm bằng vị. Người xóc cái mở bát và lấy tiền bên chẵn, bên lẻ bù cho nhau. Ai đặt đúng cửa thì thắng, đặt sai cửa thì thua. Khi chơi thì ai cũng có quyền làm người xóc cái, bắt đầu chơi thì Phạm Anh T2 là người xóc cái, sau đó người chơi thay nhau làm người xóc cái. Khi mọi người ra đánh xóc đĩa ăn tiền được khoảng 30 phút thì Nguyễn Văn Tr, T3, Linh và D cũng dùng chơi đánh bài tiến lên miền Nam ăn tiền. Nguyễn Văn Tr và T1 ra về, còn D, L đi ra vườn nơi mọi người đang chơi xóc đĩa ăn tiền vào ngồi chơi cùng. Sau đó, có Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Ph cũng đến và vào cùng chơi xóc đĩa ăn tiền. Lúc này Nguyễn Anh T chủ nhà thu tiền hồ của những người chơi mỗi người 20.000đ, T đã thu được của sáu người với tổng số tiền 120.000đ (*Một trăm hai mươi nghìn đồng*). Sau đó, Nguyễn Tiến Th đứng lên ra về.

Đến khoảng 16 giờ, khi cả nhóm đang thực hiện hành vi đánh bạc, lúc này Nguyễn Ngọc L đang là người xóc cái thì Tổ công tác Phòng Cảnh sát Hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hiện và bắt quả tang. Lê Trường G, Phạm Anh T2, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Ngọc L, Trịnh Văn Tr, Trịnh Việt A lợi dụng lúc lộn xộn bỏ chạy thoát; Còn Nguyễn Anh T, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn D bị bắt.

Thu giữ tại chiếu bạc: 01 chiếu nhựa, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân xóc hình tròn cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long và số tiền 12.250.000đ (*Mười hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Sau đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành triệu tập G, T2, T1, L, Tr và A đến làm việc, lấy lời khai. Quá trình làm việc các đối tượng đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây mà các đối tượng T, Nguyễn Văn Tr, L, D sử dụng để đánh bài tiền lên miền Nam trước đó do Nguyễn Anh T chủ nhà giao nộp.

Ngày 26/8/2018, Nguyễn Tiến Th đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thọ Xuân đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra các đối tượng đánh bạc khai nhận số tiền dùng vào việc đánh xóc đĩa ăn tiền như sau: Nguyễn Anh T sử dụng 50.000đ; Nguyễn Văn D có 8.450.000đ; Nguyễn Văn Ph có 500.000đ; Nguyễn Văn D có 700.000đ; Phạm Anh T2 có 700.000đ; Nguyễn Ngọc L có 900.000đ; Lê Trường G có 500.000đ; Nguyễn Đình T1 có 200.000đ; Trịnh Văn Tr có 200.000đ; Trịnh Việt A có 150.000đ; Nguyễn Tiến Th có 100.000đ. Tổng số tiền mà các đối tượng dùng vào mục đích đánh bạc bị bắt là 12.475.000đ (Mười hai triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

* Vật chứng của vụ án: 01 chiếu nhựa; 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 04 quân xóc hình tròn cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long; số tiền 12.250.000đ (Mười hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam; 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài đang được quản lý theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số: 56/VKS-HS ngày 10/10/2018, Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Thọ Xuân đã truy tố bị cáo: **Nguyễn Anh T, Nguyễn Văn D, Trịnh Việt A, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Văn D, Phạm Anh T2, Nguyễn Ngọc L, Lê Trường G, Nguyễn Đình T1 và Trịnh Văn Tr** về tội: “**Đánh Bạc**” Theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ Luật Hình sự ; truy tố bị cáo: **Nguyễn Anh T** thêm tội “**Gá bạc**” Theo quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ Luật Hình sự.

Trong phần luận tội, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quyền công tố, đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 321; Điểm b khoản 1 Điều 322; Điều 17; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 và Điều 58 BLHS để xử phạt **Nguyễn Anh T** từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” và từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Gá bạc”.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53; Điều 58 BLHS đối với bị cáo **Nguyễn Văn D** để xử phạt **Nguyễn Văn D** từ 08 tháng đến 12 tháng tù;

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Khoản 1 Điều 53; Khoản 5 Điều 65; Điều 56; Điều 38 Điều 58 BLHS đối với bị cáo **Nguyễn Văn Ph** để xử phạt **Nguyễn Văn Ph** từ 7 tháng đến 10 tháng tù; cộng với 36 tháng tù của Bản án số: 28/2013/HSST ngày 22/10/2013 của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 đối với bị cáo **Trịnh Việt A** để xử phạt **Trịnh Việt A** từ 6 tháng đến 09 tháng tù;

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 BLHS đối với các bị cáo **Nguyễn Văn D, Phạm Anh T2, Nguyễn Ngọc L, Lê Trường G, Nguyễn Đình T1** để xử phạt các bị cáo trên từ 16 tháng đến 27 tháng cải tạo không giam giữ.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36; Điều 90; Điều 91; Khoản 3 Điều 98 và khoản 2 Điều 100 BLHS đối với các bị cáo **Trịnh Văn Tr và Nguyễn Tiến Th**; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với Nguyễn Tiến Thành để xử phạt bị cáo **Trịnh Văn Tr** từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; **Nguyễn Tiến Th** từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS để phạt bổ sung đối với các bị cáo: **Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn D, Trịnh Việt A, Phạm Anh T2, Lê Trường G, Nguyễn Đình T1**, từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ;

Ngoài ra đại diện viện kiểm sát còn đề nghị hội đồng xét xử tuyên tịch thu số tiền là vật chứng để sung vào ngân sách nhà nước; truy thu số tiền 280.000đ của Nguyễn Tiến Thành và tiêu hủy tang vật là vật chứng trong vụ án.

Người bào chữa cho các bị cáo Trịnh Văn Tr và Nguyễn Tiến Th đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh, nhân thân và chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội để giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo Trịnh Văn Tr và Nguyễn Tiến Th; đồng thời đề nghị áp dụng Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36; Điều 91; Khoản 3 Điều 98 và khoản 2 Điều 100 BLHS để xử phạt cải tạo không giam giữ cho các bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của bị cáo, của những người tham gia tố tụng khác.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo: **Nguyễn Anh T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Văn D, Phạm Anh T2, Nguyễn Ngọc L, Lê Trường G, Nguyễn Đình T1, Trịnh Việt A, Trịnh Văn Tr và Nguyễn Tiến Th** đều thành khẩn nhận tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản phạm pháp quả tang, các biên bản người phạm tội ra đầu thú, vật chứng thu giữ được và phù hợp với lời khai của những người làm chứng khác. Trong phần tranh luận các bị cáo đều chấp nhận với lời luận tội của viện kiểm sát và đều thừa nhận có tội đúng như lời luận tội của Kiểm sát viên. Tổng số tiền bị lực lượng công an Thọ Xuân thu là 12.250.000đ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định số tiền tham gia đánh bạc như sau: Nguyễn Anh T sử dụng 50.000đ để đánh bạc; Nguyễn Văn D có 8.450.000đ; Nguyễn Văn Ph có 500.000đ; Nguyễn Văn D có 700.000đ; Phạm Anh T2 có 700.000đ; Nguyễn Ngọc L có 900.000đ; Lê Trường G có 500.000đ; Nguyễn Đình T1 có 200.000đ; Trịnh Văn Tr có 200.000đ; Trịnh Việt A có 150.000đ; Nguyễn Tiến Th có 100.000đ. Tổng số tiền mà các đối tượng dùng vào mục đích đánh bạc là 12.450.000đ (Mười hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Như vậy đủ cơ sở kết luận các bị cáo: **Nguyễn Anh T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Văn D, Phạm Anh T2, Nguyễn Ngọc L, Lê**

Trường G, Nguyễn Đình T1, Trịnh Việt A, Trịnh Văn Tr và Nguyễn Tiến T đã phạm tội “**đánh bạc**” theo khoản 1 Điều 321 BLHS. Bị cáo **Nguyễn Anh T** ngoài hành vi trực tiếp tham gia đánh bạc còn có hành vi dùng khu vườn nhà thuộc quyền sở hữu và quản lý của mình để cho 10 đối tượng khác đánh bạc ăn tiền và thu tiền hồ, hành vi đó đã phạm tội "Gá bạc" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

[2] Xét tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến an toàn, trật tự công cộng. Các bị cáo đều cố ý thực hiện tội phạm và nhằm mục đích lợi nhuận được, thua bằng tiền, sát phạt lẫn nhau bằng hình thức chơi đánh bạc trái phép. Hành vi phạm tội của các bị cáo dễ dẫn đến các hậu quả xấu như tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác. Do đó cần phải xử phạt nghiêm minh để giáo dục các bị cáo đồng thời răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[3] Xét vai trò, vị trí và trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia đánh bạc nhưng không thuộc trường hợp có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn.

Bị cáo **Nguyễn Anh T** phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án. Vì ngoài hành vi trực tiếp tham gia đánh bạc bị cáo còn có hành vi dùng khu vườn nhà thuộc quyền sở hữu và quản lý của mình để cho 10 đối tượng khác đánh bạc ăn tiền và thu tiền hồ. Vì vậy phải xử phạt thật nghiêm, bắt bị cáo cách ly ngoài xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

Bị cáo **Nguyễn Văn D** được xếp ở vị trí thứ hai trong vụ án, vì có số tiền đánh bạc nhiều nhất trong vụ án và tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt. Bị cáo đã có 01 tiền án: Năm 2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 23 tháng 10 ngày tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo Bản án số 197 ngày 07/8/2014. Ngày 03/5/2016 được cấp Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù, nhưng nay lại tiếp tục phạm tội. Do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS là "Tái phạm" theo Điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Vì vậy phải xử phạt thật nghiêm, bắt bị cáo cách ly ngoài xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

Bị cáo **Nguyễn Văn Ph** được xếp ở vị trí thứ ba trong vụ án, số tiền đánh bạc trong vụ án là 500.000đ. Bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách; Năm 2013, bị Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân xử phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng về tội Cướp tài sản và Cưỡng đoạt tài sản theo bản án số 28/2013/HSST ngày 22/10/2013. Thời gian thử thách kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/10/2013). Vì vậy phải chuyển phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thành án giam, tổng hợp hình phạt với tội "Đánh bạc" này buộc bị cáo phải

chấp hành hình phạt tù, bắt bị cáo cách ly ngoài xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

Các bị cáo **Nguyễn Văn D, Phạm Anh T2, Nguyễn Ngọc L, Lê Trường G, Nguyễn Đình T1, Trịnh Việt A**, được xếp ở vị trí thứ tư trong vụ án, do có hành vi phạm tội tương đương nhau. Tuy vậy phải căn cứ vào số tiền đánh bạc và nhân thân của người phạm tội để phân hóa trách nhiệm hình sự và để áp dụng hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo

Bị cáo **Trịnh Việt A** là người có nhân thân xấu. Năm 2014, bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xử phạt 8 tháng 03 ngày Cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc" theo Bản án số 70/2014/HSST ngày 24/12/2014. Ngày 27/8/2015, bị cáo chấp hành xong việc nộp tiền phạt và án phí tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Thọ Xuân. Tuy đã xóa án tích nhưng bị cáo đã coi thường pháp luật. Để pháp luật được nghiêm minh nên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, bắt bị cáo cách ly ngoài xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

Xét về số tiền đánh bạc của các bị cáo thì Nguyễn Ngọc L có số tiền tham gia đánh bạc là 900.000đ Nguyễn Văn D có số tiền tham gia đánh bạc là 700.000đ; Phạm Anh T2 có 700.000đ; Lê Trường G có 500.000đ; Nguyễn Đình T1 có 200.000đ; Xét về nhân thân, lý lịch các bị cáo này đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình khai báo thành khẩn; có lý lịch và nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, mà áp dụng khoản 1, 2 Điều 36 BLHS cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

Còn lại 02 bị cáo **Trịnh Văn Tr** và **Nguyễn Tiến Th** được xếp vị trí sau cùng trong vụ án. Vì có số tiền tham gia đánh bạc ít; phạm tội khi đang là vị thành niên nên Hội đồng xét xử áp dụng chính sách khoan hồng của nhà nước đối với người chưa thành niên phạm tội cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất; **Nguyễn Tiến Th** được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ (**đầu thú**); áp dụng khoản 1, 2 Điều 36 BLHS cho các bị cáo **Trịnh Văn Tr** và **Nguyễn Tiến Th** được cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

Thời gian các bị cáo bị tạm giữ được trừ vào thời hạn chấp hành cải tạo không giam giữ tương ứng với hình phạt của từng bị cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo bị phạt cải tạo không giam giữ trong vụ án đều làm ruộng và lao động tự do, mức thu nhập thấp nên xét thấy không cần thiết phải khấu trừ thu nhập nhưng phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo **Nguyễn Văn D, Phạm Anh T2, Lê Trường G, Nguyễn Đình T1**, Các bị cáo khác có hoàn cảnh gia đình khó khăn và **Trịnh Văn Tr; Nguyễn Tiến Th** là vị thành niên chưa có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 3 Điều 321 BLHS.

[4] **Xử lý vật chứng của vụ án:** Lực lượng công an đã thu giữ gồm: 01 chiếu nhựa; 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 04 quân xóc hình tròn cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long; số tiền 12.250.000đ (Mười hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam; 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài hiện đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân theo phiếu nhập kho số: PNK 47 ngày 15/ 8/2018.

Xét thấy số vật chứng trên có 12.250.000đ là tiền đánh bạc nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Số vật chứng còn lại các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyễn Tiến Th khai nhận sau khi đánh bạc bị cáo thắng được 700.000đ nhưng cho lại bị cáo D 400.000đ, nộp 20.000đ tiền hồ cho bị cáo Nguyễn Anh T, còn lại 280.000đ Th mang về chi tiêu cá nhân. Xét thấy số tiền 280.000đ này là do phạm tội mà có nên Hội đồng xét xử truy thu số tiền trên.

[5] **Về án phí:** Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Anh T**, phạm tội “**đánh bạc**” và “**Gá bạc**”; Các bị cáo **Nguyễn Văn D**, **Nguyễn Văn Ph**, **Nguyễn Văn**, **Phạm Anh T2**, **Nguyễn Ngọc L**, **Lê Trường G**, **Nguyễn Đình T1**, **Trình Việt A**, **Trịnh Văn Tr** và **Nguyễn Tiến Th** phạm tội “**đánh bạc**”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 321; Điểm b khoản 1 Điều 322; Điểm s khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 38; Điều 55; Điều 58 BLHS đối với bị cáo **Nguyễn Anh T**;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Anh T** 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc" và 12 (mười hai) tháng tù về tội "Gá bạc". tổng hợp hình phạt chung cả hai tội là 18 (mười tám) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ 09 ngày đã bị tạm giữ.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 Điều 58; Khoản 1 Điều 38 BLHS đối với bị cáo **Nguyễn Văn D**;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn D** 08 (tám) tháng tù, hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (23/4/2018).

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; khoản 1 Điều 38; khoản 2 Điều 56 BLHS đối với bị cáo **Nguyễn Văn Phú**;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn Ph** 07 (bảy) tháng tù, cộng với 36 tháng tù của bản án số 28/2013/HSST ngày 22/10/2013 của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tổng hợp hình phạt chung cả hai Bản án là 43 (Bốn mươi ba) tháng tù, hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (23/4/2018).

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Khoản 1 Điều 38 BLHS đối với bị cáo **Trình Việt A**;

Xử phạt: Bị cáo **Trịnh Việt A 06 (sáu)** tháng tù, hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1, 2 Điều 36; Điều 58 BLHS đối với các bị cáo **Nguyễn Văn D, Phạm Anh T2, Nguyễn Ngọc L, Lê Trường G, Nguyễn Đình T1, Trịnh Văn Tr và Nguyễn Tiến Th**; Áp dụng thêm: Khoản 1 Điều 91; Khoản 3 Điều 98; Khoản 2 Điều 100 BLHS đối với **Trịnh Văn Tr và Nguyễn Tiến Th**; Áp dụng thêm Khoản 2 Điều 51 BLHS đối với **Nguyễn Tiến Th**.

Xử phạt:

1. **Nguyễn Ngọc L** 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ.
2. Bị cáo **Nguyễn Văn D** 20 (hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng trừ đi 09 ngày đã bị tạm giữ ($9 \times 3 = 27$ ngày), bị cáo Duy còn phải chấp hành **19 tháng 03 ngày** cải tạo không giam giữ.
3. **Phạm Anh T2** 20 (hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ.
4. **Lê Trường G** 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.
5. **Nguyễn Đình T1** 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.
6. **Trịnh Văn Tr** 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ,
7. **Nguyễn Tiến Th** 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo **Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Văn D, Phạm Anh T, Lê Trường G, Nguyễn Đình T, Trịnh Văn Tr** cho Ủy ban nhân dân xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; giao bị cáo **Nguyễn Tiến Th** cho Ủy ban nhân dân xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa quản lý, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS đối với các bị cáo **Nguyễn Văn D, Phạm Anh T2, Lê Trường G, Nguyễn Đình T1**; Phạt bổ sung đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn D** 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).
2. **Phạm Anh T2** 10.000.000đ (Mười triệu đồng).
3. **Lê Trường G** 10.000.000đ (Mười triệu đồng).
4. **Nguyễn Đình T1** 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Số tiền trên các bị cáo phải nộp sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục thi hành án dân sự để sung vào ngân sách nhà nước.

Xử lý vật chứng: Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và Điểm a, d khoản 2 Điều 106 BLTTHS;

Tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 12.250.000đ (Mười hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 chiếu nhựa; 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 04 quân xóc hình tròn cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long; 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài, hiện đang được quản lý

tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân theo phiếu nhập kho số: PNK 47 ngày 15/ 8/2018 và Phiếu thu số: 588 ngày 15/ 8/2018.

Truy thu của bị cáo **Nguyễn Tiến Th** 280.000đ (hai trăm tám mươi nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết số: 326 ngày 21/3/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc các bị cáo **Nguyễn Anh T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Văn D, Phạm Anh T2, Nguyễn Ngọc L, Lê Trường G, Nguyễn Đình T1, Trịnh Việt A\, Trịnh Văn Tr** và **Nguyễn Tiến T**; mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa và Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến Thành có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Đình Tâm và Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Văn Trọng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- VKSND
- THA dân sự;
- Phòng Kiểm tra án;
- Công an;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Đăng Tuấn